

Số: 1571 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 102/TTr-SNN ngày 17/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục 1, 2 kèm theo).

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (địa chỉ: <http://csdl.thutuchanhchinh.vn>) và Trang thông tin về thủ tục hành chính của tỉnh (địa chỉ: <http://tthc.bacgiang.gov.vn>).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- Lưu: VT, KSTT_{Linh}.

Bản điện tử:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- + Trung tâm PVHCC, CNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Lại Thanh Sơn

Phụ lục 1



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 571 /QĐ-UBND ngày 3 /09 /2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

UBND Tỉnh Bắc Giang
23/09/2019 10:59:31

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết sau cắt giảm	Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ		Ghi chú
					Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan phối hợp giải quyết		Bru chính	Trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
I	Lĩnh vực thú y									
1	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Một cửa	07 ngày: với TH đã được đánh giá định kỳ. - 17 ngày: với TH còn lại	07 ngày: với TH đã được đánh giá định kỳ. - 12 ngày: với TH còn lại	07 ngày: với TH đã được đánh giá định kỳ. - 12 ngày: với TH còn lại		Phí 300.000 đ; Lệ phí 0 đ	x	x	
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	Một cửa	07 ngày: với TH	07 ngày: với TH	07 ngày: với TH		Phí 300.000 đ; Lệ phí 0 đ	x	x	

			đã được đánh giá định kỳ. - 17 ngày: với TH còn lại	với TH đã được đánh giá định kỳ. - 12 ngày: với TH còn lại	đã được đánh giá định kỳ. - 12 ngày: với TH còn lại				
3	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	Một cửa	20 ngày	15 ngày	15 ngày		Phi 300.000 đ Lệ phí 0 đ	x	x
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Một cửa	20 ngày	15 ngày	15 ngày		Phi 300.000 đ Lệ phí 0 đ	x	x
5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Một cửa	20 ngày	15 ngày	15 ngày		Phi 300.000 đ Lệ phí 0 đ	x	x
6	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc không thực hiện giám sát lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	Một cửa	13 ngày		13 ngày		Phi 300.000 đ; Lệ phí 0 đ	x	x

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết sau cắt giảm	Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ		Ghi chú
						Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan phối hợp giải quyết		Bưu chính	Trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	I	Lĩnh vực Thú y									
1	1	BNN-288090	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan cấp quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Một cửa	Cấp: 05 ngày Gia hạn: 03 ngày	Cấp: 05 ngày Gia hạn: 03 ngày		50.000đ/lần	x	x	
2	2	BNN-288315	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành	Một cửa	03 ngày	03 ngày		50.000đ/lần	x	x	

			nghề thú y)								
3	3	BNN-288099	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Một cửa	08 ngày		08 ngày		230.000đ/lần	x	x
4	4	BNN-288101	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Một cửa	05 ngày		05 ngày		Không	x	x
5	5	BNN-288103	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Một cửa	15 ngày	11 ngày	11 ngày		900.000đ/lần	x	x
6	6	BNN-288129	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Tại đầu mối giao thông	01 ngày; 03 ngày	01 ngày	01 ngày		- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC		
7	7	BNN-288130	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Tại đầu mối giao thông	01 ngày; 03 ngày	01 ngày	01 ngày		- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC		

3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ

ST T	Tên thủ tục hành chính được thay thế (thc cũ)	Thủ tục hành chính thay thế (TTHC mới)	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết sau cắt giảm	Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ		Ghi chú
						Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan phối hợp giải quyết		Bưu chính	Trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)	
I	Thú y										
1	Cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Một cửa	20ngày				Phí 300.000 đ; Lệ phí 0 đ	x	x	
2	Cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	Một cửa	20 ngày				Phí 300.000 đ; Lệ phí 0 đ	x	x	
3		Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản đối với cơ sở phải đánh giá lại	Một cửa	20ngày				Phí 300.000 đ; Lệ phí 0 đ	x	x	

II. NỘI DUNG, QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Theo Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cấp tỉnh (bao gồm: tiêm phòng, xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ động vật, phẫu thuật động vật; kinh doanh thuốc, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; tư vấn dịch vụ khác có liên quan đến thú y, thú y thủy sản

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Giang. Cán bộ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết giấy hẹn trả kết quả, chuyển hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

Đối với cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y, nộp hồ sơ trước khi Chứng chỉ hành nghề hết hạn 30 ngày

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

Địa điểm: Khu liên cơ quan, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

Không quy định

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký;
- Giấy chứng nhận sức khoẻ;
- 02 ảnh 4x6.

Đối với trường hợp cấp mới, nộp thêm:

- Văn bản, chứng chỉ chuyên môn phù hợp từng loại hình hành nghề thú y;
- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân. Đối với người nước ngoài có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;
- 03 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn

1.5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

1.7. Kết quả: Chứng chỉ hành nghề thú y hoặc công văn trả lời

1.8. Lệ phí: 50.000đ/lần

(Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016)

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đăng ký cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

1.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp.

- Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng Đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.

- Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.

- Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y được sử dụng trong phạm vi cả nước. Cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề không ghi vào Mục địa điểm hành nghề;

- Chứng chỉ hành nghề thú y của người phụ trách kỹ thuật tại cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y được sử dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp;

- Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề.

1.11. Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc Hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Địa chỉ hành nghề:

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

Hồ sơ gồm có:

....., ngày..... tháng năm 20....

Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn;

Người đứng đơn

Giấy khám sức khỏe;

Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;

02 ảnh 4x6.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Đã được Chi cục... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

... .., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trước khi hết hạn 30 ngày tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Giang. Cán bộ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết giấy hẹn trả kết quả, chuyển hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

Địa điểm: Khu liên cơ quan, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: không quy định

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại;
- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;
- 02 ảnh 4x6.

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

2.7. Kết quả: Chứng chỉ hành nghề thú y hoặc công văn trả lời

2.8. Lệ phí: 50.000đ/lần

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

2.10. Yêu cầu, điều kiện: không

2.11. Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Giang. Cán bộ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết giấy hẹn trả kết quả, chuyển hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

- Địa chỉ: Khu liên cơ quan, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0240 3823 829

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký (*Theo mẫu*);

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật (*Theo mẫu*);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Chứng chỉ hành nghề thú y.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

3.4. Thời hạn giải quyết:

08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

3.7. Kết quả: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y hoặc công văn trả lời

3.8. Phí: 230.000đ/ lần

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký (theo mẫu);

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật (theo mẫu)

(*Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT*)

3.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;

- Có đủ quây, tủ, kệ, giá để chứa đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại;

- Có trang thiết bị đảm bảo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y.

3.11. Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016. Quy định về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang

Căn cứ theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại: Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

Thuốc dược phẩm

Vắc xin, chế phẩm sinh học

Hoá chất

Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (*đối với đăng ký kiểm tra lần đầu*):

a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán thuốc thú y;

b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán thuốc thú y;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(*ký tên và đóng dấu nếu có*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT
BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: FAX: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích qui mô cơ sở /cửa hàng, các khu vực trung bày/ bày bán)

.....
.....
.....
.....

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,...)

.....
.....
.....

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng, ...)

.....
.....

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở /cửa hàng

.....
.....

....., ngày tháng năm

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Giang. Cán bộ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết giấy hẹn trả kết quả, chuyển hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

- Địa chỉ: Khu liên cơ quan, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0240 3823 829

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký cấp lại (*Theo mẫu*);

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4.4. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

4.7. Kết quả: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

4.8. Phí : không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký;

(*Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NN&PTNT*)

4.10. Yêu cầu, điều kiện: không

4.11. Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016. Quy định về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác Thú y;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Kính gửi: Chi Cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang

Căn cứ theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:

Họ tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:; Fax:

Chúng tôi đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y: Số.....ngày.....tháng.....năm.....

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng
- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký

Hồ sơ gửi kèm:

- a. Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);
- b. Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp (trừ trường hợp bị mất).

....., ngày tháng năm 20...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

5. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Giang. Cán bộ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết giấy hẹn trả kết quả, chuyển hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

- Địa chỉ: Khu liên cơ quan, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0240 3823 829

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu;

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị (*Theo mẫu*);

- Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

5.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

5.5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

5.7. Kết quả: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y hoặc văn bản trả lời

5.8. Phí : 900.000đ/giấy

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký;

5.10. Yêu cầu, điều kiện: không

5.11. Căn cứ pháp lý

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016. Quy định về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác Thú y;

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Fax:..... E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động:.....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

.....

.....

Kính đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Giang xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc thú y sau:

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1			
2			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(ký tên và đóng dấu nếu có)

TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢN
TÊN CƠ QUAN XÁC
NHẬN NỘI DUNG
QUẢNG CÁO THUỐC
THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền)..... xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax: E-mail:
.....

Có nội dung quảng cáo ⁽¹⁾ các thuốc thú y trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

T	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận lưu hành	Phương tiện quảng cáo

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc thú y đúng nội dung đã được xác nhận.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1). Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.

6. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

6.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở chăn nuôi có nhu cầu cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định và lập Đoàn kiểm tra

- Tại thời điểm kiểm tra thu mẫu gửi phòng thử nghiệm được chỉ định.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc gửi hồ sơ qua Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, chủ cơ sở chăn nuôi nộp lại bản cứng cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo điều kiện cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật trên cạn phụ lục Iia, Iib ban hành kèm theo thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT

Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra)

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có).

- Bản sao giấy chứng nhận VietGAPH còn hiệu lực (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

6.4. Thời hạn giải quyết

- 20 ngày làm việc

6.5. Đối tượng thực hiện: Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã trong nước và nước ngoài có hoạt động chăn nuôi tại Việt nam.

6.6. Cơ quan thực hiện

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

6.7. Kết quả thực hiện tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của giấy chứng nhận: 5 năm

6.8. Phí, Lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí 300.000 đồng/ lần

(Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016)

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn Phụ lục Iia, Iib ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

6.10. Yêu cầu, điều kiện: Không

6.11. Căn cứ pháp lý

Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

-Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

-Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm dùng cho động vật

PHỤ LỤC VIA

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi:

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email.....

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký chứng nhận:

Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đổi với trường hợp **Cấp đổi**:

.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giốngNuôi thương phẩm.....Làm cảnh.....

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu..... Cả nội địa, xuất khẩu.....

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh

trên đối tượng.....

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

.....

.....

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC II

MẪU BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Kính gửi:

Tên cơ sở:

Họ và tên người đại diện:

Địa chỉ: Điện thoại

1. Mô tả vị trí địa lý

- Tổng diện tích đất tự nhiên.

- Vùng tiếp giáp xung quanh.

2. Cơ sở vật chất

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có..... Không

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực Có Không

Phòng giao dịch: Có Không

- Khu chăn nuôi:*Tổng diện tích*

Trong đó: Khu chăn nuôi:*Tổng diện tích*

Khu chăn nuôi:*Tổng diện tích*

Khu chăn nuôi:*Tổng diện tích*

Khu chăn nuôi:*Tổng diện tích*

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có Không.....

(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có Không.....

Cách ly gia súc bệnh: Có.....Không.....

(Nếu có mô tả quy mô, Khoảng cách với khu khác).

- Khu tiêu hủy gia súc bệnh: Có Không.....

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có Không.....

- Phòng thay quần áo: Có Không.....

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có Không.....

(Nếu có mô tả phòng tắm, hoá chất sát trùng).

- Hồ sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có. . . Không

(Nếu có mô tả, hoá chất sát trùng).

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

- Quy mô: Tổng đàn: (đối với lợn).....

- Cơ cấu đàn: Lợn náicon

Lợn đực giốngcon

Lợn con theo mẹ: sơ sinh đến khi cai sữa (theo mẹ).....

Lợn con > 2 tháng đến < 4 tháng (lợn choai):

Lợn thịt > 4 tháng:

- Sản phẩm bán ra: (loại gia súc gì).....

- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:

- Quy mô: Tổng đàn: (đối với gia cầm).....

- Cơ cấu đàn:con

.....con

.....con

.....con

.....con

- Sản phẩm bán ra: (loại gì).....

- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:

.....
.....
4. Nguồn nhân lực

- Người quản lý:
 - Số công nhân chăn nuôi: Số được đào tạoSố chưa được đào tạo
 - Cán bộ thú y chuyên trách hay kiêm nhiệm, trình độ?
-

15. Hệ thống quản lý chăn nuôi

- Gồm những giống gia súc gì ? nhập từ đâu?
 - Nguồn thức ăn tổng hợp? tự chế biến ? thức ăn xanh?
 - Nguồn nước uống: nước máy, giếng khoan, nước tự nhiên?
 - Chăm sóc quản lý: Sử dụng loại máng ăn, máng uống, thời gian cho ăn, số lần trong ngày, thời gian tắm.
- Hệ thống ghi chép: (*lý lịch gia súc, gia cầm, ngày phối, ngày đẻ, số con sinh ra, tỷ lệ nuôi sống, tỷ lệ ấp nở, ngày chu chuyển đàn,*)
-
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Chế độ vệ sinh chuồng trại trong ngày, trong tuần, tháng làm gì?
-
.....
.....
.....

- Quy trình chăn nuôi đối với từng lứa tuổi, loại động vật: Có .. Không
(*nếu có cung cấp bản photo kèm theo*)

- Nội quy ra vào trại: Có . . . Không
(*Nếu có photo kèm theo*)

- Chế độ tiêm phòng: Loại vắc-xin, thời gian tiêm?
-
.....
.....

- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?

.....
.....
- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?
.....
.....
.....

6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 12 tháng qua

- Tình hình dịch bệnh động vật tại trại?
.....
.....
.....

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.
.....
.....
.....

- Kết quả thực hiện giám sát dịch bệnh động vật tại trại?
.....
.....
.....

- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?
.....
.....
.....
.....

..... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

Nếu có hoặc không đánh dấu "v"

7. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất tủy sản giống)

7.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định và lập Đoàn kiểm tra

- Tại thời điểm kiểm tra thu mẫu gửi phòng thử nghiệm được chỉ định

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc gửi hồ sơ qua Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, chủ cơ sở chăn nuôi nộp lại bản cứng cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo điều kiện cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật thủy sản phụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT

- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra)

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có)

- Bản sao giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực (nếu có)

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

7.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

7.5. Đối tượng thực hiện: Cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất thủy sản giống.

7.6. Cơ quan thực hiện

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của giấy chứng nhận: 5 năm

7.8. Phí, Lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí 300.000 đồng/ lần

(Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016)

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

7.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Cơ sở sản xuất thủy sản:

Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

Có phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

- Cơ sở nuôi thủy sản thương phẩm:

Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát;

Có phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

- Cơ sở đã thực hiện chương trình giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký

7.11. Căn cứ pháp lý

Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

-Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

-Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm dùng cho động vật

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Đăng ký chứng nhận: Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh
trên đối tượng

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

8. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại

8.1 Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: Chi cục Thú y tiến hành thẩm định và thành lập Đoàn đánh giá thực hiện kiểm tra, đánh giá tại cơ sở

- Bước 3: Kiểm tra tại cơ sở: kiểm tra, đánh giá khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

8.8. Phí, lệ phí

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí: 300.000 đồng

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Đăng ký chứng nhận: Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:

.....
.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh
trên đối tượng

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

9. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: 03 (ba) tháng trước thời điểm Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực, cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận (đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng)

+ Thành lập Đoàn kiểm tra đối với trường hợp vùng, cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc đã đánh giá định kỳ nhưng thời gian quá 12 tháng.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp

- Qua đường bưu điện

- Gửi Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cơ quan thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, VIc ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở; kết quả phòng bệnh bằng vắc xin;

- Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm theo bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;

- Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.

- 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại địa phương.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

9.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng
- Phí: 300.000 đồng.

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, VIc ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Đăng ký chứng nhận: Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:

.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh
trên đối tượng

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH
ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ
TRẦN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký chứng nhận cơ
sở an toàn dịch bệnh động
vật trên cạn

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Kèm theo là/.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (để báo cáo);
-
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ký tên, đóng dấu

10. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: 03 tháng trước thời điểm Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực, cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp lại nộp hồ sơ tới Chi cục chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn kiểm tra (đối với trường hợp vùng, cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc đã đánh giá định kỳ nhưng thời gian quá 12 tháng).

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp
- Qua đường bưu điện
- Gửi Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cơ quan thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho Cục Thú y).

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở;

- Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;

- Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng

- 17 ngày: đối với trường hợp còn lại

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chăn nuôi Thú y.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

10.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí: 300.000 đồng

10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

10.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

- Thực hiện các quy định về phòng chống dịch bệnh tại cơ sở;

- Báo cáo Cơ quan thú y những thay đổi liên quan đến nội dung được chứng nhận chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày có thay đổi.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Đăng ký chứng nhận: Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:

.....
.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh
trên đối tượng

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

11. Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)

11.1. Trình tự thực hiện: Các cơ sở có Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật bị rách, cũ nát hoặc bị mất có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh đã được cấp giấy chứng nhận

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chăn nuôi và Thú y.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Thời hạn của Giấy chứng nhận: giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận cũ.

11.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí: 0 đồng

11.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Chi cục Chăn nuôi và thú y)

- 1. Tên cơ sở:**
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:
- 2. Tên chủ cơ sở:**
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: Fax: Email:
- 3. Đăng ký chứng nhận:** Lần đầu Đánh giá lại
 Cấp lại Bổ sung
 Cấp đổi
Lý do khác:
(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:
.....)
- 4. Loại hình hoạt động:** Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh
- 5. Thị trường tiêu thụ:** Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu
- 6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh**
trên đối tượng
- 7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH
ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ
TRẦN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:, ngày ... tháng năm ...

V/v đăng ký chứng nhận cơ
sở an toàn dịch bệnh động
vật trên cạn

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Kèm theo là/.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (để báo cáo);
-
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
Ký tên, đóng dấu

12. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định, thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá tại cơ sở.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp
- Qua đường bưu điện
- Gửi Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cơ quan thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho Chi cục Thú y)

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát.

- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (là kết quả thu mẫu gửi xét nghiệm khi kiểm tra tại vùng)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại địa phương.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chăn nuôi và thú y.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Thời hạn của Giấy chứng nhận: giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận cũ.

12.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí: 300.000 đồng

12.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có ca bệnh của bệnh đăng ký bổ sung công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký;

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

- 1. Tên cơ sở:**
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:
- 2. Tên chủ cơ sở:**
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: Fax: Email:
- 3. Đăng ký chứng nhận:** Lần đầu Đánh giá lại
 Cấp lại Bổ sung
 Cấp đổi
Lý do khác:
(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:)
- 4. Loại hình hoạt động:** Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh
- 5. Thị trường tiêu thụ:** Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu
- 6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh**
trên đối tượng
- 7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH
ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký chứng nhận cơ sở
an toàn dịch bệnh động vật trên
cạn

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Kèm theo là/.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (để báo cáo);
-
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
Ký tên, đóng dấu

13. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

13.1 Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: Chăn nuôi thú y tiến hành thẩm định, thành lập Đoàn đánh giá tại cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận

- Bước 3: Nội dung kiểm tra tại cơ sở:

+ Kiến thức và thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất, nuôi trồng thủy sản về dấu hiệu bệnh lý, xử lý tình huống khi cơ sở xuất hiện bệnh đăng ký chứng nhận;

+ Thực trạng sức khỏe động vật; việc áp dụng các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn mối nguy dịch bệnh từ bên ngoài và bên trong cơ sở;

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giám sát theo quy định.

+ Kết quả công tác quản lý hoạt động thú y tại cơ sở.

13.2 Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cơ quan thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho Chi cục Thú y/Chăn nuôi thú y).

13.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4 Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

13.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh

13.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chăn nuôi thú y.

13.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

13.8 Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí: 300.000 đồng.

13.9 Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

13.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ sở sản xuất giống thủy sản:

+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

* Đối với Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm

+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

+ Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định. Không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 (sáu) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

13.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

- 1. Tên cơ sở:**
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:
- 2. Tên chủ cơ sở:**
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: Fax: Email:
- 3. Đăng ký chứng nhận:** Lần đầu Đánh giá lại
 Cấp lại Bổ sung
 Cấp đổi
Lý do khác:
(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:
.....)
- 4. Loại hình hoạt động:** Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh
- 5. Thị trường tiêu thụ:** Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu
- 6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh**
trên đối tượng
- 7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ^(*)

^(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

14. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận

14.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận gửi hồ sơ tới Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: chi cục Chăn nuôi thú y tiến hành thẩm định và thành lập Đoàn đánh giá tại cơ sở

14.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp
- Qua đường bưu điện
- Gửi Email (trường hợp gửi hồ sơ qua email, sau khi hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cơ quan thú y, chủ cơ sở nộp lại hồ sơ bản chính cho Chi cục Thú y/Chăn nuôi thú y).

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT)

- Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động duy trì;

- Bản sao các kết quả xét nghiệm

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y/Chăn nuôi thú y.

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

14.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 0 đồng

- Phí: 300.000 đồng.

14.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT)

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở có nhu cầu và tự nguyện đăng ký để được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng kể từ khi nơi nuôi giữ động vật thủy sản mắc bệnh cuối cùng của cơ sở được tiêu hủy hoặc kể từ khi xử lý xong động vật thủy sản mang mầm bệnh hoặc không có ca bệnh của bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 03 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng được xử lý hoặc khỏi bệnh.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật

15. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

15.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông.

- Bước 2:

*** Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật thú y, thực hiện như sau:

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ;

+ Trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

- Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

*** Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

- Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- + Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;
- + Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;
- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- + Trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định;
- + Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.

- Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.

15.2. Cách thức thực hiện: không quy định

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT

* Số lượng hồ sơ: Không quy định

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng

bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch,

- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:

+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông.

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

15.8. Phí, lệ phí:

Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC;

Điều 3 Thông tư số 44/2018/TT-BTC

Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC

15.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

15.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN
CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: /ĐK-KDDV

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

.....

Địa chỉ giao dịch:

.....

Số Chứng minh nhân dân/số Hộ chiếu/số định danh cá nhân CMND/Thẻ
CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp..... Tại

.....

Điện thoại: Fax: Email:

.....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../... ngày .../.../... của(1)..... (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

- 1/ tiêm phòng ngày/...../.....
- 2/ tiêm phòng ngày/...../.....
- 3/ tiêm phòng ngày/...../.....
- 4/ tiêm phòng ngày/...../.....
- 5/ tiêm phòng ngày/...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../..... của ... (3) ... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:
.....

Địa chỉ:
.....

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):
.....

Phương tiện vận chuyển:
.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm

.....

..... vào hồi giờ ngày

...../...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày

...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

.....

Ngày tháng năm

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG
KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

16. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

16.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông.

- Bước 2:

** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại nơi nuôi giữ tạm thời; bể, ao ương con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở thu gom, kinh doanh.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông thực hiện kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện vận chuyển vào 16 giờ 30 phút hàng ngày.

- Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản.

** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Cơ sở phải bảo đảm được công nhận an toàn dịch hoặc được giám sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

** Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý cụ thể bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng có công bố dịch.

** Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến của chủ hàng.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch;

+ Kiểm tra tình trạng bao gói, bảo quản, cảm quan đối với sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

16.2. Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông.

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

16.8. Phí, lệ phí:

- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC

16.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

16.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 01 TS

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số: ĐKKD-VCTS

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Số Chứng minh nhân dân/số Hộ chiếu/số định danh cá nhân CMND/Thẻ
CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp Tại

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

T	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm (1)	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo
quản:

Mã số cơ sở (nếu có):

Điện thoại: Fax: E.mail:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng/Trọng lượng:

2/ Số lượng/Trọng lượng:

3/ Số lượng/Trọng lượng:

Phương tiện vận chuyển:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

*** Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY
ĐĂNG KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày... .. tháng... .. năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);

- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết sau cắt giảm	Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ		Ghi chú
					UBND cấp xã	Cơ quan phối hợp giải quyết		Bưu chính	Trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Lĩnh vực phòng, chống thiên tai									
1	1 Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Một cửa	7 ngày		7 ngày		không			
2	2 Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Một cửa	15 ngày		15 ngày		không			
3	3 Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Một cửa	15 ngày		15 ngày		không			

II. NỘI DUNG, QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi và gửi bản đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.

Các hộ nuôi trồng thủy sản kê khai khi thực hiện nuôi trồng thủy sản và bản gửi đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kê khai đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Đối với các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai, UBND xã xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Không quy định

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP.

b) Số lượng: không quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ chăn nuôi tập trung, hộ nuôi trồng thủy sản.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND cấp xã.

7. Kết quả thực hiện TTHC: UBND cấp xã xác nhận vào bản kê khai.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại, Fax, Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m ²)	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)	Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác

.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày tháng năm , ngày tháng năm

Xác nhận của UBND xã/phường

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

....., ngày tháng năm

Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

II. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh

1. Trình tự thực hiện

Bước 1 : Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).

- Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.

- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II

ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)

b) Số lượng: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện TTHC:

Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.

- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).

- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh:

1. Đối tượng:

Thời điểm gieo, trồng:

Diện tích thiệt hại:ha.

Vị trí đất gieo, trồng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

2. Đối tượng:

Thời điểm gieo, trồng:

Diện tích thiệt hại:ha.

Vị trí đất gieo, trồng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất lâm nghiệp
như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn
giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: Tuổi rừng:

Thời điểm trồng:

Diện tích thiệt hại: ha.

Vị trí trồng rừng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí:

Thời điểm trồng:

Loài cây:

Số lượng thiệt hại: ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng:

Diện tích thiệt hại: ha

Vị trí:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng:

Loại rừng giống:

Diện tích thiệt hại:ha

Vị trí:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí:

Thời điểm trồng:

Loài cây:

Diện tích thiệt hại: ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí:

Loài cây:

Số lượng thiệt hại: cây

Hồ sơ lưu gồm có:

.....
.....
.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm
20.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

Loài thủy sản nuôi:

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản:ha.

Vị trí khu vực nuôi:

Thời điểm thả giống:

Số lượng giống thả nuôi: con, nguồn gốc:

Hồ sơ lưu về giống gồm có:

Hình thức nuôi:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha hoặc m³ lồng.

Thiệt hại trên 70% là: ha hoặc m³ lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)...) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

1. Đối tượng nuôi 1: Tuổi vật nuôi: Số lượng: con.

2. Đối tượng nuôi 2: Tuổi vật nuôi: Số lượng: con.

3. Đối tượng nuôi 3: Tuổi vật nuôi: Số lượng: con.

Hồ sơ lưu gồm có:

.....
.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm
20... ..

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ sản xuất muối thiệt hại do thiên tai

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường...

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Đợt thiên tai:

Diện tích bị thiệt hại: ha

Vị trí sản xuất muối:

Thời điểm bắt đầu sản xuất:

Diện tích thiệt hại: ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

Hồ sơ lưu gồm có:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

... .., ngày tháng năm 20... ..

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại, Fax, Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m ²)	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)	Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác:

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày tháng năm , ngày tháng năm

Xác nhận của UBND xã/phường
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

....., ngày tháng năm

Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

(Từ ngày.....tháng...năm.... đến ngày....tháng ...năm))

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI															KINH PHÍ HỖ TRỢ					
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%							DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%								Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	NST W hỗ trợ (tr.đ)		NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NST W quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	TỔNG SỐ																					
1																					
2																					
3																					
	THEO ĐỊA PHƯƠNG)																					

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI									KINH PHÍ HỖ TRỢ					
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%				Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)		NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG SỐ															
1															
2															
3															
(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)																

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ CHĂN NUÔI
ĐỀ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm đến ngày tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI										KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm đến 28 ngày tuổi (con)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Hươu, cừu, dê (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSĐP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ															
1															
2															
3															
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)															

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN)
HỖ TRỢ SẢN XUẤT MUỐI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI			KINH PHÍ HỖ TRỢ		
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% (ha)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại từ 30% - 70% (ha)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó	
						NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ						
1						
2						
3						
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)						

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH
(ĐỀN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng số tiền hỗ trợ	Trong đó:					Ghi chú	
			Giống cây trồng	Lâm nghiệp	Giống thủy, hải sản	Giống vật nuôi	Sản xuất muối	Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)	
								9	10
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ								
1								
2								
3								
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)								

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND
(Ký tên đóng dấu)

III. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai

1. Trình tự thực hiện

Bước 1 : Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã.

Bước 2: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra với sự tham gia, phối hợp của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã để kiểm tra, xác nhận thiệt hại; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Bước 5: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

- Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.

- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)

b) Số lượng: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các hộ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện TTHC:

Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.

- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).

- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận.

11.Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh:

1. Đối tượng:

Thời điểm gieo, trồng:

Diện tích thiệt hại:ha.

Vị trí đất gieo, trồng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

2. Đối tượng:

Thời điểm gieo, trồng:

Diện tích thiệt hại:ha.

Vị trí đất gieo, trồng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất lâm nghiệp
như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn
giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: Tuổi rừng:

Thời điểm trồng:

Diện tích thiệt hại: ha.

Vị trí trồng rừng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí:

Thời điểm trồng:

Loại cây:

Số lượng thiệt hại: ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng:

Diện tích thiệt hại: ha

Vị trí:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng:

Loại rừng giống:

Diện tích thiệt hại:ha

Vị trí:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí:

Thời điểm trồng:

Loài cây:

Diện tích thiệt hại: ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí:

Loài cây:

Số lượng thiệt hại: cây

Hồ sơ lưu gồm có:

.....
.....
.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm

20.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

Loại thủy sản nuôi:

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản:ha.

Vị trí khu vực nuôi:

Thời điểm thả giống:

Số lượng giống thả nuôi: con, nguồn gốc:

Hồ sơ lưu về giống gồm có:

Hình thức nuôi:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha hoặc m³ lồng.

Thiệt hại trên 70% là: ha hoặc m³ lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)...) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

1. Đối tượng nuôi 1: Tuổi vật nuôi: Số lượng: con.

2. Đối tượng nuôi 2: Tuổi vật nuôi: Số lượng: con.

3. Đối tượng nuôi 3: Tuổi vật nuôi: Số lượng: con.

Hồ sơ lưu gồm có:

.....
.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm
20.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ sản xuất muối thiệt hại do thiên tai

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường...

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Đợt thiên tai:

Diện tích bị thiệt hại: ha

Vị trí sản xuất muối:

Thời điểm bắt đầu sản xuất:

Diện tích thiệt hại: ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

Hồ sơ lưu gồm có:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

... .., ngày tháng năm 20... ..

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại, Fax, Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m ²)	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)	Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác:

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày tháng năm, ngày tháng năm

Xác nhận của UBND xã/phường
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

....., ngày tháng năm

Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

(Từ ngày.....tháng...năm.... đến ngày.....tháng ... năm))

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI															KINH PHÍ HỖ TRỢ						
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%							DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%								Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó				
			Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	NST W hỗ trợ (tr.đ)		NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NST W quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	TỔNG SỐ																						
1																						
2																						
3																						
	THEO ĐỊA PHƯƠNG)																						

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI									KINH PHÍ HỖ TRỢ					
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%				DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%					Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)		NSĐP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG SỐ															
1															
2															
3															
(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)																

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ CHĂN NUÔI
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm đến ngày tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI										KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm đến 28 ngày tuổi (con)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Hươu, cừu, dê (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSĐP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ															
1															
2															
3															
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)															

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN)
HỖ TRỢ SẢN XUẤT MUỐI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI			KINH PHÍ HỖ TRỢ		
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% (ha)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại từ 30% - 70% (ha)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó	
						NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ						
1						
2						
3						
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)						

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH
(ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng số tiền hỗ trợ	Trong đó:					Ghi chú	
			Giống cây trồng	Lâm nghiệp	Giống thủy, hải sản	Giống vật nuôi	Sản xuất muối	Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)	
								4	5
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ								
1								
2								
3								
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)								

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)